

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/DS-ST.

Ngày: 16/9/2025.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chu;
2. Ông Nguyễn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 46/2025/TLST-DS về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” ngày 01 tháng 8 năm 2025. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông **Lê Văn M**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: **Số B, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.**

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của ông **Lê Văn M**: Bà **Nguyễn Thị Mộng T**, sinh năm 1997. Địa chỉ: **Ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.** Theo văn bản uỷ quyền ngày 11/6/2025.

Bị đơn:

Ông **Tô Thanh H**, sinh năm 1969.

Bà **Trần Thị Kim L**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: **Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Long nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long.**

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn có mặt, bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2025, bản tự khai, các biên bản hoà giải, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Giữa ông **M** và vợ chồng ông **Tô Thanh H**, bà **Trần Thị Kim L** là chỗ quen biết nên vào ngày 23/7/2022, ông **M** có cho vợ chồng ông **H**, bà **L** vay số tiền 400.000.000đồng, không tính lãi suất. Vợ, chồng ông **H**, bà **L** vay tiền với lý do để có vốn làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Khi vay tiền ông **H** có lập biên nhận bằng giấy viết tay đề ngày 23/7/2022, đồng thời cam kết vào ngày 30/4/2025 âm lịch (nhằm ngày 27/5/2025) sẽ bắt đầu thanh toán khoản vay cho ông **M** theo hình thức trả dần mỗi tháng 50.000.000đồng hoặc trả một lần toàn bộ số nợ nếu vợ, chồng ông **H**, bà **L** bán được tài sản.

Tuy nhiên, kể từ ngày 30/4/2025 âm lịch (nhằm ngày 27/5/2025) đến nay vợ chồng ông **H**, bà **L** không thực hiện theo cam kết, mặc dù mặc dù ông **M** đã có nhiều lần yêu cầu.

Vì mối quan hệ thân tình nên ông **M** đã cho phía vợ chồng ông **H**, bà **L** vay không tính lãi suất trong thời gian nhiều năm nhưng nay phía vợ, chồng ông **H**, bà **L** đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng cam kết.

Do đó, ông **M** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long giải quyết buộc ông **Tô Thanh H** và bà **Trần Thị Kim L** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **M** số tiền nợ là 400.000.000đồng và tính lãi từ ngày 23/7/2022 đến ngày xét xử, lãi suất tạm tính đến ngày 23/5/2025 là $0,83\% \times 400.000.000\text{đồng} \times 34\text{ tháng} = 112.880.000\text{đồng}$.

Tổng số tiền nợ và lãi ông **Tô Thanh H** và bà **Trần Thị Kim L** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **M** là $400.000.000\text{đồng} + 112.880.000\text{đồng} = 512.880.000\text{đồng}$.

*Tại Biên bản xác minh ngày 29/8/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long, ông **Tô Thanh H**, bà **Trần Thị Kim L** trình bày:*

Ông, bà thừa nhận có vay của công Mum số tiền 400.000.000đồng vào ngày 23/7/2022. Ông, bà có đóng lãi cho ông **M** trong thời gian dài nhưng không nhớ là bao nhiêu tiền và cũng không làm giấy tờ gì. Đối với số tiền mà ông **M** khởi kiện thì ông, bà đồng ý trả cho ông **M** sau khi thanh toán xong các khoản nợ của ngân hàng. Về tiền lãi thì ông, bà xin ông **M** giảm lãi cho ông, bà để có điều kiện trả nợ. Vì lý do công việc nên ông, bà có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông, bà trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Đây là ý chí tự nguyện của ông, bà không bị ai cưỡng ép, ép buộc.

Đại diện viện kiểm sát nhân Khu vực 8 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015..

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Toà án thu thập. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày, quá trình xét hỏi, kết quả tranh luận, nghị án và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông **Lê Văn M** khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông **Tô Thanh H**, bà **Trần Thị Kim L**. Quan hệ tranh chấp này được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Xét thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông **Lê Văn M**, Hội đồng xét xử xét thấy ông **M** cho rằng thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm là ngày 27/5/2025. Đến ngày 18/7/2025 thì ông **M** khởi kiện tại Toà án. Căn cứ theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì việc khởi kiện của ông **Lê Văn M** còn trong thời hiệu luật định.

Về thẩm quyền theo lãnh thổ, Hội đồng xét xử căn cứ vào quá trình tổng đạt các văn bản tố tụng và Biên bản xác minh ngày 29/8/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long thì có cơ sở xác định ông **Tô Thanh H**, bà **Trần Thị Kim L** có nơi cư trú tại **xã T, tỉnh Vĩnh Long**. Toà án nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long căn cứ vào các quy định tại Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với sự có mặt, vắng mặt của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy, người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn mặt. Ông **H**, bà **L** có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Toà án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long căn cứ vào các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông **H**, bà **L** là đúng quy định pháp luật.

Về phạm vi giải quyết vụ án, căn cứ theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hồ sơ vụ án không có yêu cầu phản tố của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xét xử các nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện nào khác.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét biên nhận ngày 23/7/2022 mà nguyên đơn cung cấp cho Toà án.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn giao nộp bản viết tay biên nhận ngày 23/7/2022 thể hiện ông **Tô Thanh H** có thỏa thuận về việc vay tài sản với ông **Lê Văn M**. Mặc dù biên nhận ngày 23/7/2022 chỉ có một mình ông **Tô Thanh H** ký nhưng tại Biên bản xác minh ngày 29/8/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long thì bà **Trần Thị Kim L**, ông **Tô Thanh H** cùng thừa

nhận có vay của ông M số tiền 400.000.000đồng. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì sự thừa nhận của ông H, bà L là sự kiện không cần phải chứng minh. Đồng thời, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông M và ông H, bà L phát sinh hiệu lực đối với các bên tham gia ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông H, bà L thừa nhận đã nhận số tiền 400.000.000đồng từ ông M nhưng chưa trả theo đúng thoả thuận là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn M. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông H, bà L có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền 400.000.000đồng là phù hợp quy định pháp luật.

2.2. Xét yêu cầu tính lãi của ông Lê Văn M.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên nhận ngày 23/7/2022 mà nguyên đơn cung cấp cho Toà án thể hiện tại câu cuối cùng của biên nhận có ghi “...*Vì đây là tiền anh M cho tôi mượn không tính lãi.*” và đồng thời cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh các bên có thoả thuận về lãi suất và thời điểm bắt đầu tính lãi, thời hạn trả nợ nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không có lãi và là hợp đồng vay không thời hạn. Do đó, nguyên đơn chỉ được quyền yêu cầu tính lãi từ ngày nguyên đơn khởi kiện tại Toà án là ngày 18/7/2025 và Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận phần tiền lãi được tính từ ngày 18/7/2025 cho đến khi xét xử xong vụ án.

Về lãi suất, do các bên không có thoả thuận về lãi suất nên cần áp dụng lãi suất 0,83%/tháng tương ứng với lãi suất 10%năm như nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, số tiền lãi mà ông H, bà L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn M được tính như sau:

Từ ngày 18/7/2025 cho đến ngày 16/9/2025 được tính là: 400.000.000đồng x 0,83%/tháng x 01 tháng 29 ngày = 6.529.334đồng.

Số tiền lãi mà ông H, bà L phải trả cho ông Lê Văn M là 6.529.334đồng.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc ông Tô Thanh H, bà Trần Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn M số tiền 406.529.334đồng. Trong đó, tiền gốc là 400.000.000đồng và tiền lãi là 6.529.334đồng. Không chấp nhận số tiền lãi 106.350.666đồng mà ông M yêu cầu ông H, bà L phải trả cho ông Lê Văn M

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một nhưng do ông M là người có tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được toà án chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Tô Thanh H, bà Trần Thị Kim L phải nộp số tiền 20.000.000đồng x 4%[406.529.334đồng - 400.000.000đồng] = 20.261.173đồng.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 26, 39, 40, 91, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 280, 387, 429, 463, 466, 468, 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 36 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M.

2. Buộc ông Tô Thanh H, bà Trần Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn M số tiền vay tạm tính đến ngày 16/9/2025 là 406.529.334(Bốn trăm lẻ sáu triệu năm trăm hai mươi chín nghìn ba trăm ba mươi bốn)đồng. Trong đó, tiền gốc là 400.000.000đồng và tiền lãi là 6.529.334đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận số tiền lãi 106.350.666(Một trăm lẻ sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn sáu trăm sáu mươi sáu)đồng mà ông M yêu cầu ông H, bà L phải trả cho ông M

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị Thanh T2 phải nộp số tiền 20.261.173(Hai mươi triệu hai trăm sáu mươi một nghìn một trăm bảy mươi ba)đồng.

Ông Lê Văn M là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 8 – Vĩnh Long.
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- Chi cục THADS Khu vực 8 – Vĩnh Long.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thành Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Chu .Nguyễn Văn Tâm

Trần Thành Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Đặng Hoàng Mích Bùi Tuấn Khanh

THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thành Ngọc

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thành Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Lan Nguyễn Thị Bé Em

Trần Thành Ngọc

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Thi